

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung, nợ  
chung, nợ riêng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lường Tiến Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Ngọc Phương.

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2025/TLST- HNGĐ ngày 10/2/2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Lò Thị H**; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Bản M, xã L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Anh **Lò Văn T**; Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Bản M, xã L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Anh **Lò Văn P**; Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

**- Về hôn nhân:** Chị và anh Lò Văn T kết hôn với nhau từ ngày 03/10/2011 tại UBND xã L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T hay uống rượu bia không làm chủ bản thân, thường hay bạo lực gia đình, dùng vũ khí, dùng dao đuổi chém chị, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị H nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh

phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn T.

- **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:** Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Lò Thị D, sinh ngày 7/2/2012 và cháu Lò Thị T, sinh ngày 17/10/2013. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản riêng:** Không có.

- **Về nợ chung:** Không có.

**\* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lò Văn T trình bày:**

*Về hôn nhân:* Quá trình kết hôn giữa anh và chị H như lời khai của chị H là đúng. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn chỉ thỉnh thoảng cãi nhau, anh nghĩ chị H có quan hệ ngoại tình, đã bỏ đi từ năm 2020 không biết đi đâu, anh không nhất trí ly hôn.

*Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung đúng như chị H khai. Anh nhất trí để chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Thị T. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Thị D. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng:* Không có.

- *Về nợ chung:* Nợ ông Lò Văn P số tiền 15.000.000 đồng. Anh Lò Văn T yêu cầu giữa anh và chị H chia  $\frac{1}{2}$  khoản nợ chung này.

**\* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải** chị Lò Thị H và anh Lò Văn T không thống nhất:

*Về tình cảm:* Chị Lò Thị H yêu cầu được ly hôn. Anh Lò Văn T không nhất trí ly hôn.

*Về con chung:* Anh Lò Văn T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị D, sinh ngày 7/2/2012 và cháu Lò Thị T, sinh ngày 17/10/2013 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Lò Thị D, sinh ngày 7/2/2012 và cháu Lò Thị T, sinh ngày 17/10/2013 cho đến khi trưởng thành. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về nợ chung:* Anh Lò Văn T đề nghị giữa anh và chị H phải trả nợ chung anh Lò Văn P là 15.000.000 đồng.

Chị H không thừa nhận là nợ chung, không nhất trí vì đây là khoản nợ riêng của anh T.

Tại đơn yêu cầu độc lập anh Lò Văn P khai: Ngày 20/8/2023 anh Lò Văn T và chị Lò Thị H có vay anh số tiền 15.000.000 đồng không tính lãi, không có thời hạn trả do là họ hàng, không làm giấy tờ gì. Nay anh yêu cầu anh Lò Văn T và chị Lò Thị H mỗi người phải trả cho anh 7.500.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị H, anh T không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:**

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:* Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

*Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị H: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan có yêu cầu độc lập anh Lò Văn P: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 45, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lò Văn T.

- **Về con chung:** Xử giao hai cháu Lò Thị D, sinh ngày 7/2/2012 và cháu Lò Thị T, sinh ngày 17/10/2013 cho chị Lò Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về nợ riêng:** Tuyên xử buộc anh Lò Văn T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho anh Lò Văn P số tiền là 15.000.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

- Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lò Văn P buộc chị Lò Thị H trả số tiền nợ là 7.500.000 đồng.

- **Về án phí:** Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị H. Miễn án phí nghĩa vụ về nợ riêng cho anh Lò Văn T. Miễn án phí do yêu cầu chị Lò Thị H trả nợ không được Tòa án chấp nhận cho anh Lò Văn P.

Anh Lò Văn P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

*\* Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:*  
Không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

- ***Về thẩm quyền giải quyết:*** Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- ***Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị H:*** Nguyên đơn chị Lò Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- ***Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn T và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lò Văn P:*** Anh Lò Văn T, anh Phái đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

**[2]. Về hôn nhân:** Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T có đăng ký kết hôn từ ngày 03/10/2011 tại UBND xã L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T hay uống rượu bia không làm chủ bản thân, thường hay bạo lực gia đình, dùng vũ khí, dùng dao đuôi chém chị, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T và chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc không nhất trí ly hôn, xử cho chị H ly hôn với anh T.

**[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: Cháu Lò Thị D, sinh ngày 7/2/2012 và cháu Lò Thị T, sinh ngày 17/10/2013. Nay ly hôn chị H đề nghị để hai cháu cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị D. Giao cháu Lò Thị T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên, xem xét chị H, anh T có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Lò Thị D và cháu Lò Thị T, nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với mẹ vì điều kiện học tập, sinh sống của các cháu được đảm bảo đầy đủ về mọi mặt. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý, bảo vệ quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em. Giao hai cháu Lò Thị D và cháu Lò Thị T cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu của chị H là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, yêu cầu của anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị D là không có căn cứ chấp nhận, không phù hợp với nguyện vọng của cháu Lò Thị D. Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

**[4]. Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5]. Về tài sản riêng:** Không có.

**[6]. Về nợ chung, nợ riêng:** Anh T và chị H đã không thống nhất về khoản nợ chung và cách trả nợ chung. Hội đồng xét xử nhận định: Anh T không chứng minh được khoản nợ là 15.000.000 đồng đã vay anh Lò Văn P trong thời kỳ hôn nhân là khoản nợ chung của vợ chồng trong khi chị H không thừa nhận, việc anh T vay nợ không được sự đồng ý của chị H, việc vay mượn không làm giấy tờ vay mượn gì do đó không phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đây là khoản nợ riêng của anh T thuộc vào trường hợp theo quy định tại Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu của anh Lò Văn P yêu cầu anh T và chị H có trách nhiệm trả số nợ đã vay là 15.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của anh T và anh Phái thể hiện việc vay tiền giữa anh T và anh Phái do chỉ có anh T là người vay không thể hiện việc chị H vay tiền, chị H cũng không thừa nhận việc vay mượn khoản vay này. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn P buộc chị H trả  $\frac{1}{2}$  số nợ. Đây là khoản nợ riêng của anh T cần buộc anh T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên đảm bảo quyền lợi của các đương sự vận dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự.

**[7]. Về án phí:** Chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Anh Lò Văn T phải chịu án phí án phí nghĩa vụ về nợ riêng. Anh Lò Văn P phải chịu án phí do yêu cầu chị H trả nợ không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên chị Lò Thị H, anh Lò Văn T, anh Lò Văn P đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị H. Miễn án phí nghĩa vụ về nợ riêng cho anh Lò Văn T. Miễn án phí do yêu cầu chị H trả nợ không được Tòa án chấp nhận cho anh Lò Văn P.

Anh Lò Văn P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai số: 0002708 ngày 11/02/2025.

**[8]. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 45, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lò Văn T.

**2. Về con chung:** Xử giao hai cháu Lò Thị D, sinh ngày 7/2/2012 và cháu Lò Thị T, sinh ngày 17/10/2013 cho chị Lò Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**4. Về nợ riêng:** Tuyên xử buộc anh Lò Văn T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho anh Lò Văn P số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

**5.** Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lò Văn P buộc chị Lò Thị H trả số tiền nợ là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

**6. Về án phí:** Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị H. Miễn án phí nghĩa vụ về nợ riêng cho anh Lò Văn T. Miễn án phí do yêu cầu chị H trả nợ không được Tòa án chấp nhận cho anh Lò Văn P.

Anh Lò Văn P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai số: 0002708 ngày 11/02/2025.

**7. Về quyền kháng cáo:** Chị Lò Thị H, anh Lò Văn T, anh Lò Văn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã L, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lường Tiến Hải**

